



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam  
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế  
Member firm of PKF International

**PKF**  
Accountants &  
business advisers

## **CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TÒNG GIÁM ĐỐC</b>	1 – 3
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	4 – 5
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 32

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

18F Tầng Nhơn Phú, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nam Việt hân hạnh trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của mình cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021.

## 1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302205973 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 02 năm 2001, và các lần thay đổi sau đó với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 14 ngày 15 tháng 12 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 80.000.000.000 đồng (tám mươi tỷ đồng), cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán NAV, ngày giao dịch đầu tiên là ngày 22/12/2006.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : 18F Tầng Nhơn Phú, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất tấm lợp, cấu kiện bê tông (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất các cấu kiện kim loại. Chi tiết: Sản xuất các loại nhà lắp ghép, phụ tùng - thiết bị - máy móc cơ khí (không hoạt động tại trụ sở);
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản. Chi tiết: Sản xuất, chế biến nông lâm thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn (phải đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Thi công xây lắp công trình công nghiệp và dân dụng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sở hữu sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Thiết kế: Kiến trúc công trình công nghiệp, dân dụng, nội thất công trình;
- Điều hành tua du lịch. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa.

Trong kỳ, hoạt động chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ kho bãi và logistic.

## 2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

### Hội đồng Quản trị

#### Họ và tên

Bà Nguyễn Thị Hương Ngân  
Ông Tôn Thất Mạnh  
Ông Nguyễn Minh Triết  
Ông Đào Nguyên Thoại  
Ông Hoàng Kiều Phong

#### Chức vụ

Chủ tịch  
Thành viên  
Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên

#### Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm

Miễn nhiệm ngày 06 tháng 12 năm 2021  
Miễn nhiệm ngày 06 tháng 12 năm 2021  
Bổ nhiệm ngày 06 tháng 12 năm 2021

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

18F Tầng Nhon Phú, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

#### Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Ngọc Phi	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 08 năm 2021
Ông Nguyễn Minh Bản	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 12 năm 2021
Ông Nguyễn Đình Minh	Thành viên	
Ông Nguyễn Tôn Nhân	Thành viên	

#### Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Hoàng Kiều Phong	Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 02 năm 2021
Ông Hoàng Quốc Khánh	Tổng giám đốc	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 02 năm 2021
Bà Trần Thị Mỹ Thạnh	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm chức vụ phụ trách quản trị Công ty ngày 01 tháng 09 năm 2021
Ông Đoàn Anh Tuấn	Phụ trách quản trị Công ty	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 12 năm 2021

#### Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Đại diện theo pháp luật</u>
Bà Nguyễn Thị Hương Ngân	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 14 tháng năm 2021
Ông Nguyễn Minh Triết	Từ ngày 15 tháng năm 2021 đến thời điểm lập báo cáo này

Ông Hoàng Kiều Phong chức vụ Tổng Giám đốc đã được uỷ quyền ký Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo Giấy uỷ quyền số 07-2021/UQ-NV ngày 06 tháng 12 năm 2021.

#### 3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

#### 4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

#### 5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021.

#### 6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

18F Tầng Nhơn Phú, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

#### 7. Công bố các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc công bố Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,  
  
  
**HOÀNG KIỀU PHONG**  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2022



Số: 340/2022/BCKT-HCM.01275

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông  
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần Nam Việt ("Công ty"), được lập ngày 21 tháng 02 năm 2022, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nam Việt tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 01 tháng 03 năm 2021.



  
\_\_\_\_\_

**TRANG ĐẮC NHA**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2111-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2022

  
\_\_\_\_\_

**LÊ NGỌC HẢI**  
**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0179-2018-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

18F Tầng Nhon Phú, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>165.350.042.364</b>	<b>134.548.603.842</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>1.166.598.299</b>	<b>37.539.456.230</b>
Tiền	111		1.166.598.299	2.243.703.330
Các khoản tương đương tiền	112		-	35.295.752.900
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>108.000.000.000</b>	<b>65.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2.1	108.000.000.000	65.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>43.539.087.082</b>	<b>17.234.831.001</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	32.891.087.174	4.449.125.288
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		299.371.944	300.091.944
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	10.724.096.716	12.805.017.703
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(375.468.752)	(319.403.934)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.6	<b>11.709.330.310</b>	<b>13.551.351.360</b>
Hàng tồn kho	141		16.811.274.010	16.926.140.213
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.101.943.700)	(3.374.788.853)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>935.026.673</b>	<b>1.222.965.251</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	89.973.066	209.653.483
Thuế GTGT được khấu trừ	152		358.532.984	1.013.311.768
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	486.520.623	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>15.469.634.871</b>	<b>45.976.752.537</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.971.534.871</b>	<b>4.478.652.537</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	3.971.534.871	4.478.652.537
Nguyên giá	222		20.041.926.605	20.215.523.583
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.070.391.734)	(15.736.871.046)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	-	-
Nguyên giá	228		900.098.950	900.098.950
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(900.098.950)	(900.098.950)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>11.498.100.000</b>	<b>41.498.100.000</b>
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.2.2	11.498.100.000	11.498.100.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.2.1	-	30.000.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>180.819.677.235</b>	<b>180.525.356.379</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

18F Tầng Nhọn Phú, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>78.784.875.711</b>	<b>69.289.893.954</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>76.591.175.711</b>	<b>62.778.493.954</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	9.117.240.418	1.680.189.746
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	-	1.111.672.548
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	322.191.824	664.720.918
Phải trả người lao động	314		1.272.315.911	903.018.747
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	41.537.964	764.666.066
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.14	109.400.000	573.844.194
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15.1	64.916.937.984	56.637.730.515
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	5.16	811.551.610	442.651.220
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.193.700.000</b>	<b>6.511.400.000</b>
Phải trả dài hạn khác	337	5.15.2	2.193.700.000	6.511.400.000
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>102.034.801.524</b>	<b>111.235.462.425</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.17	<b>102.034.801.524</b>	<b>111.235.462.425</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80.000.000.000	80.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		(190.000)	(190.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		12.243.398.279	12.243.398.279
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.791.593.245	18.992.254.146
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		4.592.290.146	1.618.305.349
LNST chưa phân phối năm nay	421b		5.199.303.099	17.373.948.797
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>180.819.677.235</b>	<b>180.525.356.379</b>

  
TRẦN THỊ MỸ THANH

Người lập biểu/ Kế toán trưởng

  
HOÀNG KIỀU PHONG

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

18F Tầng Nhon Phú, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>61.294.547.158</b>	<b>70.804.899.076</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>	6.1	<b>61.294.547.158</b>	<b>70.804.899.076</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	6.2	<b>50.518.968.264</b>	<b>59.211.653.764</b>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>10.775.578.894</b>	<b>11.593.245.312</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	17.227.340.503	25.362.680.775
Chi phí tài chính	22		-	700.698
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	25	6.4	267.395.997	1.704.951.284
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	7.221.742.268	10.539.709.387
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>20.513.781.132</b>	<b>24.710.564.718</b>
Thu nhập khác	31	6.6	283.418.501	4.951.747.368
Chi phí khác	32	6.7	724.281.877	2.576.318.625
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(440.863.376)</b>	<b>2.375.428.743</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>20.072.917.756</b>	<b>27.085.993.461</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.12	1.602.907.986	2.371.895.788
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>18.470.009.770</b>	<b>24.714.097.673</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	2.150	2.872



TRẦN THỊ MỸ THANH  
Người lập biểu/ Kế toán trưởng



HOÀNG KIỀU PHONG  
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

18F Tầng Nhơn Phú, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Mã số	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	20.072.917.756	27.085.993.461
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	531.334.451	2.092.247.562
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	1.783.219.665	(197.533.839)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(17.117.001.938)	(29.259.920.597)
Chi phí lãi vay	06	-	-
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	444.525.149
<b>Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>5.270.469.934</b>	<b>165.311.736</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(28.209.068.612)	7.647.004.768
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	114.866.203	3.007.198.867
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	1.512.321.269	(15.921.126.787)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	119.680.417	(154.872.259)
Tiền lãi vay đã trả	14	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.521.068.169)	(1.510.711.234)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(369.900.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(24.082.698.958)</b>	<b>(6.767.194.909)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(111.237.906)	-
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	-	9.733.508.134
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(139.000.000.000)	(100.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	126.000.000.000	122.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	19.221.028.933	25.807.806.599
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>6.109.791.027</b>	<b>57.541.314.733</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(18.399.950.000)	(16.479.956.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(18.399.950.000)</b>	<b>(16.479.956.000)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>			
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>60</b>	<b>37.539.456.230</b>	<b>3.245.292.406</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>	<b>1.166.598.299</b>	<b>37.539.456.230</b>



TRẦN THỊ MỸ THẠNH  
Người lập biểu/ Kế toán trưởng



HOÀNG KIỀU PHONG  
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2022

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

18F Tầng Nhon Phú, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.*

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302205973 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 02 năm 2001, và các lần thay đổi sau đó với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 14 ngày 15 tháng 12 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 80.000.000.000 đồng (tám mươi tỷ đồng), cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán NAV, ngày giao dịch đầu tiên là ngày 22/12/2006.

### 1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau: sản xuất, thương mại, dịch vụ.

### 1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất tấm lợp, cấu kiện bê tông (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất các cấu kiện kim loại. Chi tiết: Sản xuất các loại nhà lắp ghép, phụ tùng - thiết bị - máy móc cơ khí (không hoạt động tại trụ sở);
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản. Chi tiết: Sản xuất, chế biến nông lâm thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn (phải đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Thi công xây lắp công trình công nghiệp và dân dụng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sở hữu sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Thiết kế: Kiến trúc công trình công nghiệp, dân dụng, nội thất công trình;
- Điều hành tua du lịch. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa;

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ kho bãi và logistic.

### 1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

C. T. U.  
M  
P. H. C. H.

3. C. U.  
T  
C. H. M. P.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

18F Tầng Nhơn Phú, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

## 1.5 Cấu trúc của Công ty

### Công ty liên kết

Tên công ty	Trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Phát Triển Sài Gòn	Số 213/13 Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất kinh doanh các loại xi măng và các vật liệu liên kết dính. Kinh doanh sản xuất các sản phẩm đồ gỗ và chế biến gỗ nguyên liệu, dịch vụ cảng sông nội địa, hợp tác sản xuất bê tông tươi	34,49%	34,49%	34,49%

## 1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

## 1.7 Số lượng nhân viên

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng số nhân viên của Công ty là 25 người (vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 29 người).

## 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
  - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
  - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng được quy đổi theo tỷ giá mua chuyển khoản của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Sài Gòn (ngân hàng thương mại Công ty mở tài khoản).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Sài Gòn (ngân hàng thương mại Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Sài Gòn (ngân hàng thương mại Công ty thường xuyên có giao dịch).

#### **4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

### **4.4 Các khoản đầu tư tài chính**

#### **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### **Công ty liên kết**

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### **4.5 Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa theo chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

#### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng đối với các công cụ ngắn hạn.

#### **Tiền thuê đất trả trước**

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê 12 tháng.

#### **Chi phí sửa chữa kho và chi phí môi giới thuê kho**

Chi phí sửa chữa kho và chi phí môi giới thuê kho phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 12 tháng.

#### **Chi phí trả trước khác**

Các chi phí trả trước khác của Công ty bao gồm các chi phí: tư vấn, bảo hiểm, trang phục lao động... Các chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

### 4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản	Thời gian (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc và thiết bị	03 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 05

### 4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là:

#### Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

### 4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

### **4.11 Vốn chủ sở hữu**

#### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### ***Vốn khác của chủ sở hữu***

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

#### ***Cổ phiếu quỹ***

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

### **4.12 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### **4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### ***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### **4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

##### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

### 4.15 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### 4.16 Công cụ tài chính

#### Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

#### Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

18F Tầng Nhơn Phú, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**4.17 Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty / đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Bên liên quan	Quan hệ
Công ty Cổ phần Phát Triển Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương mại LIDOVIT	Cùng thành viên chủ chốt
Công ty TNHH MGA Việt Nam	Cùng thành viên chủ chốt
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc	Thành viên chủ chốt

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền mặt tồn quỹ – VND	319.058.951	266.352.543
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – VND		
– VND	847.537.015	1.730.436.516
– USD (*)	2.333	246.914.271
Các khoản tương đương tiền	-	35.295.752.900
	<b>1.166.598.299</b>	<b>37.539.456.230</b>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ là 0,11 USD tương đương 2.333 VND.

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư vào công ty liên kết. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

**5.2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>Ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	108.000.000.000	108.000.000.000	65.000.000.000	65.000.000.000
<b>Dài hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	30.000.000.000	30.000.000.000
	<b>108.000.000.000</b>	<b>108.000.000.000</b>	<b>95.000.000.000</b>	<b>95.000.000.000</b>

(\*) Số dư khoản mục “Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn” vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 là khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại các ngân hàng với lãi suất 6,10% - 6,45%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

18F Tầng Nhon Phú, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.2.2 Đầu tư vào công ty liên kết**

	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>						
Công ty Cổ phần Phát triển Sài Gòn	11.498.100.000	-	(*)	11.498.100.000	-	(*)
	<b>11.498.100.000</b>	<b>-</b>		<b>11.498.100.000</b>	<b>-</b>	

Công ty nắm giữ 1.724.715 cổ phần, chiếm 34,49% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Phát triển Sài Gòn, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty Cổ phần Phát triển Sài Gòn là Sản xuất kinh doanh các loại xi măng và các vật loại kết dính, kinh doanh sản xuất các sản phẩm đồ gỗ và chế biến gỗ nguyên liệu, dịch vụ cảng sông nội địa, hợp tác sản xuất bê tông tươi. Hiện tại công ty liên kết này vẫn đang hoạt động bình thường và kinh doanh có lãi. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đã góp đủ vốn vào Công ty Phát triển Sài Gòn.

(\*) Tại ngày báo cáo Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của khoản đầu tư này.

**5.3 Phải thu ngắn hạn khách hàng**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Phải thu bên liên quan</b>		
Công ty Cổ Phần Công Nghiệp và Thương Mại LIDOVIT (Xem thêm mục 8.1.2)	19.911.383.247	-
<b>Phải thu khách hàng – bên thứ ba</b>		
Công ty TNHH Việt Metal Works	12.603.862.554	-
J3 Furniture Concepts	-	3.575.186.660
Công ty TNHH Truyền Hình Cấp Saigontourist	378.972	429.260.764
Các khách hàng khác	375.462.401	444.677.864
	<b>32.891.087.174</b>	<b>4.449.125.288</b>

**5.4 Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu bên liên quan</b>				
Công ty Cổ phần Phát triển Sài Gòn – Phải thu tiền cổ tức (Xem thêm mục 8.1.2)	8.623.575.000	-	6.036.502.500	-
<b>Phải thu khác – bên thứ ba</b>				
Lãi dự thu	2.091.886.916	-	6.695.965.290	-
Tạm ứng	5.000.000	-	45.531.721	-
Các khoản phải thu khác	3.634.800	-	27.018.192	-
	<b>10.724.096.716</b>	<b>-</b>	<b>12.805.017.703</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

18F Tầng Nhon Phú, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.5 Dự phòng phải thu nợ ngắn hạn khó đòi**

	31/12/2021		01/01/2021			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Các tổ chức và cá nhân khác</b>						
Công ty TNHH Phú Thành	Trên 3 năm	160.500.000	-	Trên 3 năm	160.500.000	-
Công ty TNHH Suwo	Trên 3 năm	133.871.944	-	Trên 3 năm	133.871.944	-
Tổ chức và các nhân khác	Trên 3 năm	81.096.808	-	Trên 3 năm	25.031.990	-
		<b>375.468.752</b>	<b>-</b>		<b>319.403.934</b>	<b>-</b>

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Phải thu ngắn hạn khách hàng VND	Trả trước cho người bán ngắn hạn VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2021	25.031.990	294.371.944	319.403.934
Trích lập dự phòng bổ sung	56.064.818	-	56.064.818
Tại ngày 31/12/2021	<b>81.096.808</b>	<b>294.371.944</b>	<b>375.468.752</b>

**5.6 Hàng tồn kho**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.803.447.405	(1.356.677.367)	3.213.450.500	(635.706.643)
Công cụ, dụng cụ	10.917.141	(6.495.098)	14.190.351	-
Thành phẩm	6.858.909.464	(3.728.771.235)	13.137.939.562	(2.728.711.210)
Hàng hóa	7.138.000.000	(10.000.000)	560.560.000	(10.371.000)
	<b>16.811.274.010</b>	<b>(5.101.943.700)</b>	<b>16.926.140.413</b>	<b>(3.374.788.853)</b>

Tình hình biến động hàng tồn kho như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Số đầu năm	(3.374.788.853)	(3.572.322.692)
Trích lập dự phòng bổ sung	(1.892.480.917)	-
Hoàn nhập dự phòng	165.326.070	197.533.839
Số cuối năm	<b>(5.101.943.700)</b>	<b>(3.374.788.853)</b>

**5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Chi phí sửa chữa kho	45.512.975	137.431.511
Chi phí môi giới	-	42.525.003
Chi phí tư vấn	36.363.636	29.696.969
Bảo hiểm ô tô	8.096.455	-
	<b>89.973.066</b>	<b>209.653.483</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

18F Tầng Nhọn Phú, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.8 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Vào ngày 01/01/2021	16.595.882.765	1.516.573.295	2.018.265.123	84.802.400	20.215.523.583
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	111.237.906	-	-	-	111.237.906
Giảm do thanh lý	(284.834.884)	-	-	-	(284.834.884)
<b>Vào ngày 31/12/2021</b>	<b>16.422.285.787</b>	<b>1.516.573.295</b>	<b>2.018.265.123</b>	<b>84.802.400</b>	<b>20.041.926.605</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>					
Vào ngày 01/01/2021	13.162.567.084	1.405.610.441	1.083.891.121	84.802.400	15.736.871.046
Khấu hao trong năm	284.917.996	56.374.285	190.042.170	-	531.334.451
Giảm do thanh lý	(197.813.763)	-	-	-	(197.813.763)
<b>Vào ngày 31/12/2021</b>	<b>13.249.671.317</b>	<b>1.461.984.726</b>	<b>1.273.933.291</b>	<b>84.802.400</b>	<b>16.070.391.734</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Vào ngày 01/01/2021	3.433.315.681	110.962.854	934.374.002	-	4.478.652.537
<b>Vào ngày 31/12/2021</b>	<b>3.172.614.470</b>	<b>54.588.569</b>	<b>744.331.832</b>	<b>-</b>	<b>3.971.534.871</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Vào ngày 01/01/2021	7.939.854.205	1.084.453.295	878.012.100	84.802.400	9.987.122.000
<b>Vào ngày 31/12/2021</b>	<b>7.939.854.205</b>	<b>1.134.453.295</b>	<b>878.012.100</b>	<b>84.802.400</b>	<b>10.037.122.000</b>

**5.9 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>		
Vào ngày 01/01/2021	900.098.950	900.098.950
<b>Vào ngày 31/12/2021</b>	<b>900.098.950</b>	<b>900.098.950</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>		
Vào ngày 01/01/2021	900.098.950	900.098.950
<b>Vào ngày 31/12/2021</b>	<b>900.098.950</b>	<b>900.098.950</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Vào ngày 01/01/2021	-	-
<b>Vào ngày 31/12/2021</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Vào ngày 01/01/2021	900.098.950	900.098.950
<b>Vào ngày 31/12/2021</b>	<b>900.098.950</b>	<b>900.098.950</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

18F Tầng Nhon Phú, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.10 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Phải trả các bên liên quan</b>		
Công ty Cổ Phần Công Nghiệp và Thương Mại LIDOVIT (Xem thêm mục 8.1.2)	2.310.243.738	-
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>		
Công ty TNHH Ân Hòa	5.549.572.160	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Kim Thu	-	1.675.383.960
Công Ty TNHH Tycoons Việt Nam	1.257.424.520	-
Phải trả nhà cung cấp khác	-	4.805.786
	<b>9.117.240.418</b>	<b>1.680.189.746</b>

**5.11 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Người mua trả trước – bên thứ ba</b>		
IVENA International Pte., Ltd	-	1.066.599.660
Các khách hàng khác	-	45.072.888
	-	<b>1.111.672.548</b>

**5.12 Thuế và các khoản phải nộp, (phải thu) nhà nước**

	01/01/2021	Số phát sinh trong năm		31/12/2021	
	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	29.922.527	(29.922.527)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	431.639.560	1.602.907.986	(2.521.068.169)	(486.520.623)	-
Thuế thu nhập cá nhân	232.144.398	1.030.516.108	(940.468.682)	-	322.191.824
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	682.222.350	(682.222.350)	-	-
Các loại thuế khác	936.960	9.480.000	(10.416.960)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>664.720.918</b>	<b>3.355.048.971</b>	<b>(4.184.098.688)</b>	<b>(486.520.623)</b>	<b>322.191.824</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước và kinh doanh dịch vụ là 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện theo quy định pháp luật về thuế.

- (\*) Theo nghị quyết 406/2021/NQ-UBTVQH15 được Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội thông qua ngày 19/10/2021 về việc giảm 30% thuế TNDN phải nộp năm 2021, cho các doanh nghiệp có doanh thu thực hiện năm phải dưới (không quá) 200 tỷ VND và thấp hơn doanh thu năm 2019, Công ty được giảm 30% thuế TNDN tính trên số thuế TNDN phải nộp cho năm 2021.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

18F Tầng Nhon Phú, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được tính như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20.072.917.756	27.085.993.461
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	1.244.358.586
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>20.072.917.756</b>	<b>28.330.352.047</b>
Thu nhập được miễn thuế (Cổ tức, lợi nhuận được chia)	(8.623.575.000)	(15.522.435.000)
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>11.449.342.756</b>	<b>12.807.917.047</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.289.868.551	2.561.583.409
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm (*)	(686.960.565)	(768.475.023)
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm trước	-	578.787.402
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.602.907.986</b>	<b>2.371.895.788</b>

*Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo quy định pháp luật.

**5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Chi phí phải trả theo đơn hàng	41.537.964	209.397.005
Trích trước chi phí điện	-	47.479.306
Chi phí khác	-	507.789.755
	<b>41.537.964</b>	<b>764.666.066</b>

**5.14 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Doanh thu cho thuê kho nhận trước	109.400.000	573.844.194
	<b>109.400.000</b>	<b>573.844.194</b>

**5.15 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác****5.15.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Phải trả khác – bên liên quan</b>		
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	361.936.281	481.278.808
<b>Phải trả khác – bên thứ ba</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Hưng Thịnh (*)	55.000.000.000	55.000.000.000
Tổng Công ty TNHH MTV Xây dựng Sài Gòn – Cổ tức phải trả	4.000.000.000	1.120.000.000
Cổ tức của các cổ đông khác	5.122.514.200	2.530.200
Nhận ký quỹ, ký cược	399.750.000	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	32.737.503	33.921.507
	<b>64.916.937.984</b>	<b>56.637.730.515</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

18F Tầng Nhon Phú, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

(\*) Đây là khoản nhận tiền góp vốn liên doanh thành lập pháp nhân mới để đầu tư dự án tại Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0809/2016/HĐHT-NAV ngày 08/09/2016.

**5.15.2 Phải trả dài hạn khác**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Nhận ký quỹ, ký cược	2.193.700.000	6.511.400.000
	<b>2.193.700.000</b>	<b>6.511.400.000</b>

**5.16 Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	01/01/2021 VND	Tăng do trích lập từ lợi nhuận VND	Chi quỹ trong kỳ VND	31/12/2021 VND
Quỹ khen thưởng	176.262.114	369.400.195	(155.000.000)	390.662.309
Quỹ phúc lợi	266.389.106	369.400.195	(214.900.000)	420.889.301
	<b>442.651.220</b>	<b>738.800.390</b>	<b>(369.900.000)</b>	<b>811.551.610</b>

**5.17 Vốn chủ sở hữu****5.17.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Năm trước</b>					
Tại ngày 01/01/2020	80.000.000.000	(190.000)	12.243.398.279	13.618.275.349	105.861.483.628
Lãi trong năm	-	-	-	24.714.097.673	24.714.097.673
Chia cổ tức năm 2019	-	-	-	(11.999.970.000)	(11.999.970.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2020	-	-	-	(5.599.986.000)	(5.599.986.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.011.722.602)	(1.011.722.602)
Trích lập thù lao HĐQT	-	-	-	(728.440.274)	(728.440.274)
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>(190.000)</b>	<b>12.243.398.279</b>	<b>18.992.254.146</b>	<b>111.235.462.425</b>
<b>Năm nay</b>					
Tại ngày 01/01/2021	80.000.000.000	(190.000)	12.243.398.279	18.992.254.146	111.235.462.425
Lãi trong năm	-	-	-	18.470.009.770	18.470.009.770
Chia cổ tức năm 2020	-	-	-	(14.399.964.000)	(14.399.964.000)
Tạm trích cổ tức năm 2021	-	-	-	(11.999.970.000)	(11.999.970.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(738.800.390)	(738.800.390)
Trích lập thù lao HĐQT	-	-	-	(531.936.281)	(531.936.281)
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>(190.000)</b>	<b>12.243.398.279</b>	<b>9.791.593.245</b>	<b>102.034.801.524</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

18F Tầng Nhon Phú, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.17.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Cổ đông	31/12/2021		01/01/2021	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
<b>Cổ đông là pháp nhân</b>				
Tổng Công ty TNHH MTV Xây dựng Sài Gòn	16.000.000.000	20,00	16.000.000.000	20,00
<b>Cổ đông là cá nhân</b>				
Bà Nguyễn Thị Hương Ngân	25.684.420.000	32,11	17.178.320.000	21,47
Ông Trần Bình Khơi	16.450.400.000	20,56	16.090.400.000	20,11
Ông Hoàng Kiều Phong	8.042.260.000	10,05	358.500.000	0,45
Bà Đỗ Thị Hiền Lương	6.665.400.000	8,33	66.300.000	0,08
Ông Nguyễn Minh Triết	-	-	8.506.000.000	10,63
Các cổ đông khác	7.157.330.000	8,95	21.800.290.000	27,25
Cổ phiếu quỹ	190.000	0,00	190.000	0,00
	<b>80.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

**5.17.3 Cổ phiếu**

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành		
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được hoàn trả cho cổ đông		
- Cổ phiếu phổ thông	20	20
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	7.999.980	7.999.980
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND.

**5.17.4 Phân phối lợi nhuận**

Trong năm 2021, Công ty phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ-2021-NAV ngày 06 tháng 12 năm 2021 như sau:

	VND
• Chia cổ tức bổ sung năm 2020 từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020	: 14.399.964.000
• Tạm trích cổ tức năm 2021 từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021	: 11.999.970.000
• Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2021 từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021	: 738.800.390
• Trích thù lao HĐQT từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021	: 531.936.281

**5.18 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****Ngoại tệ các loại**

	31/12/2021	01/01/2021
Dollar Mỹ (USD)	0,11	11.592,12

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

18F Tầng Nhon Phú, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

<b>6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
<b>6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu bán hàng	49.030.674.957	62.317.238.147
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.263.872.201	8.487.660.929
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>61.294.547.158</b>	<b>70.804.899.076</b>
<b>6.2 Giá vốn hàng bán</b>		
	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn bán hàng	49.179.941.294	57.593.728.002
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.339.026.970	1.617.925.762
	<b>50.518.968.264</b>	<b>59.211.653.764</b>
<b>6.3 Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng	8.580.448.059	9.840.081.594
Cổ tức, lợi nhuận được chia	8.623.575.000	15.522.435.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	23.317.444	164.181
	<b>17.227.340.503</b>	<b>25.362.680.775</b>
<b>6.4 Chi phí bán hàng</b>		
	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí dịch vụ xuất khẩu	125.645.997	1.538.478.350
Chi phí bảo hành	-	148.580.000
Chi phí hoa hồng môi giới	141.750.000	9.995.114
Chi phí bán hàng khác	-	7.897.820
	<b>267.395.997</b>	<b>1.704.951.284</b>
<b>6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên quản lý	5.901.823.083	6.347.318.423
Chi phí khấu hao tài sản cố định	343.770.431	285.156.606
Thuế, phí, lệ phí	39.537.992	329.957.336
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	936.610.762	3.577.277.022
	<b>7.221.742.268</b>	<b>10.539.709.387</b>
<b>6.6 Thu nhập khác</b>		
	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	3.897.404.005
Thu nhập từ khoản xoá nợ phải trả	-	51.831.918
Thu nhập khác	283.418.501	1.002.511.445
	<b>283.418.501</b>	<b>4.951.747.368</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

18F Tầng Nhọn Phú, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**6.7 Chi phí khác**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Các khoản phạt vi phạm hành chính	-	91.751.462
Xóa nợ	637.260.756	299.501.768
Lỗi từ thanh lý tài sản cố định	87.021.121	-
Chi phí khác	-	2.185.065.395
	<b>724.281.877</b>	<b>2.576.318.625</b>

**6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	18.470.009.770	24.714.097.673
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(738.800.390)	(1.011.722.602)
- Trích thù lao HĐQT	(531.936.281)	(728.440.274)
<b>Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>17.199.273.099</b>	<b>22.973.934.797</b>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	7.999.980	7.999.980
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>2.150</b>	<b>2.872</b>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm 2021	Năm 2020
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	7.999.980	7.999.980
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b>7.999.980</b>	<b>7.999.980</b>

**6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	47.501.125.274	42.923.135.700
Chi phí nhân công	5.901.823.083	18.003.063.019
Chi phí khấu hao tài sản cố định	531.334.451	2.092.247.562
Chi phí khác	4.073.823.721	10.712.037.165
	<b>58.008.106.529</b>	<b>73.730.483.446</b>

**7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xem xét, thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho các rủi ro nói trên như sau:

### **i. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

#### ***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

#### ***Rủi ro ngoại tệ***

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hóa bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng trong tương lai bằng ngoại tệ.

### **ii. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

#### ***Phải thu khách hàng***

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

#### ***Tiền gửi ngân hàng***

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

### iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>			
Phải trả người bán	9.117.240.418	-	9.117.240.418
Phải trả khác	64.563.802.164	2.193.700.000	66.757.502.164
	<b>73.681.042.582</b>	<b>2.193.700.000</b>	<b>75.874.742.582</b>
<b>Ngày 01 tháng 01 năm 2021</b>			
Phải trả người bán	1.680.189.746	-	1.680.189.746
Phải trả khác	56.887.196.266	6.511.400.000	63.398.596.266
	<b>58.567.386.012</b>	<b>6.511.400.000</b>	<b>65.078.786.012</b>

### Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### Giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Phải thu khách hàng	32.891.087.174	4.424.093.298	32.891.087.174	4.424.093.298
Các khoản phải thu khác	10.718.146.716	12.759.485.982	10.718.146.716	12.759.485.982
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	108.000.000.000	95.000.000.000	108.000.000.000	95.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.166.598.299	37.539.456.230	1.166.598.299	37.539.456.230
	<b>152.775.832.189</b>	<b>149.723.035.510</b>	<b>152.775.832.189</b>	<b>149.723.035.510</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả người bán	9.117.240.418	1.680.189.746	9.117.240.418	1.680.189.746
Phải trả khác	66.757.502.164	63.398.596.266	66.757.502.164	63.398.596.266
	<b>75.874.742.582</b>	<b>65.078.786.012</b>	<b>75.874.742.582</b>	<b>65.078.786.012</b>

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 01 tháng 01 năm 2021.

Công ty chưa đánh giá lại các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo giá trị hợp lý do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Vào ngày 01 tháng 01 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tương ứng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này. Ban Tổng Giám đốc cho rằng giá trị hợp lý của những tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**8. CÁC THÔNG TIN KHÁC****8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**8.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng).

Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ phải thu/(phải trả) với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:*

Thu nhập thành viên chủ chốt gồm thù lao hội đồng quản trị và lương và thu nhập khác trong năm như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Hội đồng quản trị</b>		
Bà Nguyễn Thị Hương Ngân	65.328.000	65.756.205
Ông Tôn Thất Mạnh	65.328.000	696.484.882
Ông Đào Nguyên Thoại	72.173.000	97.487.977
Ông Hoàng Kiều Phong	1.219.545.242	65.756.205
Ông Nguyễn Minh Triết	72.173.000	59.409.851
Ông Nguyễn Quang Hưng	-	38.078.126
<b>Ban kiểm soát</b>		
Ông Nguyễn Minh Bản	6.844.000	-
Ông Nguyễn Ngọc Phi	33.570.000	97.487.977
Ông Nguyễn Tôn Nhân	72.174.281	379.487.977
Ông Nguyễn Đình Minh	72.173.000	217.487.977
<b>Điều hành Công ty</b>		
Ông Hoàng Quốc Khánh	-	173.552.250
Bà Trần Thị Mỹ Thạnh	523.572.000	429.000.000
	<b>2.202.880.523</b>	<b>2.319.989.427</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

18F Tầng Nhơn Phú, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**8.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác***Giao dịch với các bên liên quan khác*

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Công ty Cổ phần Phát Triển Sài Gòn	Cổ tức được chia	8.623.575.000	15.522.435.000
	Nhận tiền từ chia cổ tức	6.036.502.500	9.485.932.500
	Mua hàng	12.181.818	2.556.019.000
	Bán hàng	8.400.000	25.972.727

Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương mại LIDOVI	Mua hàng	21.521.773.702	-
	Bán hàng	21.346.119.666	-

Công ty TNHH MGA Việt Nam	Mua hàng	7.128.000.000	-
---------------------------	----------	---------------	---

*Công nợ phải thu/(phải trả) với các bên liên quan khác*

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty Cổ phần Phát Triển Sài Gòn	Phải thu tiền cổ tức (Xem thêm mục 5.4)	8.623.575.000	6.036.502.500
Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương mại LIDOVI	Phải thu tiền bán hàng (Xem thêm mục 5.3)	19.911.383.247	-
	Phải trả tiền mua hàng (Xem thêm mục 5.10)	2.310.243.738	-

**8.2 Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính vì Ban Tổng giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán.

Công ty hiện chỉ hoạt động chủ yếu là kinh doanh dịch vụ kho bãi và logistic và khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

**8.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



**TRẦN THỊ MỸ THANH**  
Người lập/ Kế toán trưởng



**HOÀNG KIỀU PHONG**  
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2022